

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025
LỚP MẪU GIÁO BÉ HẠ THANH

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

| TT | Mục tiêu | Nội dung giáo dục | Thực hiện trong chủ đề |
|--|---|--|------------------------|
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất | | | |
| * Phát triển vận động | | | |
| 1 | Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, dang ngang + Hai tay đưa sang ngang đưa lên cao + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực đưa lên cao. + Từng tay đưa lên cao, hay tay dang ngang - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Đứng cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Đứng nghiêng người sang hai bên. + Đứng cúi về phía trước, ngả người ra sau. + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng khụy gối + Bật tách - chụm chân tại chỗ | 1->9 |

| | | | |
|---|--|--|-----------------|
| | | + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang | |
| 2 | Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. | - Đi kiễng gót. (1,9) - Đi trong đường hẹp (2,7,9) | 1, 2, 7,9 |
| 3 | Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài | - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (3,) - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. (6,) - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (3,) - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc (9) | 3, 6, 9 |
| 4 | Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). | - Lăn bóng với cô. (1,) - Tung bắt bóng với cô. (3,8) - Đập bắt bóng với cô. (7) - Đập bắt bóng tại chỗ (7) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. (5,7) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. (9) | 1, 3, 5,7, 8, 9 |
| 5 | Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. | - Chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng. (5,9) - Bò theo hướng thẳng. (1,) - Bò theo đường dích dắc. (4,6) - Bò chui qua cổng. (5,7) - Trườn về phía trước. (2,) - Trườn theo hướng thẳng (3,6,8) - Ném xa bằng 1 tay. (2,7,8) - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay. (4,6) - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay (8) - Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). (6,9) - Bật tại chỗ. (1,5,8) - Bật về phía trước. (2,4,6,7) | 1-> 9 |

| | | | |
|--|--|---|------------|
| | | - Bật xa 20 - 25 cm (7,9) | |
| 6 | Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. | - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay (2,3) | |
| 7 | Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Đan (tre, giấy, lá...), tết (tóc, len, rơm...) - Xếp chồng các khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo (kỹ năng an toàn khi sử dụng kéo)., bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc, khóa (áo, quần). | - Đan (nan tre, nan giấy...), tết (len, rơm...)(5,8) - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ.(1-9) - Xé, dán giấy (4,8) - Sử dụng kéo (kỹ năng an toàn khi sử dụng kéo)., bút (4,7) - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm (6,7) - Vẽ được hình tròn theo mẫu (4,8) - Tô vẽ nguệch ngoạc.(1,5) - Cài, cởi cúc, khóa (áo, quần)(1,2,3) - Kỹ năng buộc dây giày (1,2) | 1-> 9 |
| * Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | | | |
| 8 | Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, gà rang, măng, khoai, sắn, ngô...) | - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc của địa phương (Thịt, cá, trứng, sữa, gà rang, măng, khoai, sắn, ngô...) - Nhận biết thực phẩm ôi thui | 2, 5, 6 |
| 9 | Trẻ kể được tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau, cơm nếp, cá nướng, nộm măng... | - Nhận biết một số món ăn quen thuộc hàng ngày (trứng rán, cá kho, canh rau...) - Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc (Cơm nếp, xôi, cá nướng, nộm măng. | 1,2,3,5 |
| 10 | Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). | 2, 3, 5 |
| 11 | Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: | - Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng - Tập rửa tay bằng xà phòng | 1, 2, 3, 4 |

| | | | |
|----|---|---|----------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo | <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập tháo tất, cởi quần, áo | |
| 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bát thìa khi ăn cơm và cốc khi uống nước. | |
| 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi, khi ăn không nói chuyện... | <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Phòng tránh hóc, xặc (khi ăn, uống) | 2, 6 |
| 14 | <ul style="list-style-type: none"> Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục phù hợp với thời tiết, khi thời tiết nóng – lạnh - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (sốt, ho, sổ mũi, hắt hơi...). | 2, 4, 8 |
| 15 | <ul style="list-style-type: none"> Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, liềm, máy thái rau, bật lửa ...). | 3,6 |
| 16 | <ul style="list-style-type: none"> Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết những nơi không an toàn đến tính mạng (hồ, ao, bể chứa nước, nồi nước sôi, giếng, hố vôi, suối, bậc thang, lan can, tổ ong, giếng, bể nước, cột điện, ...). | 3, 7, 8 |
| 17 | <ul style="list-style-type: none"> Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đuà trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...(6) - Không tự lấy thuốc uống.(2) - Không leo trèo bàn ghế, lan can (1) - Không nghịch các vật sắc nhọn.(1) - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. (1) | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm (chạy qua đường, leo trèo, cắn, cầu, nô đùa khi ăn, chơi các vật sắc nhọn, nghịch lửa, nhét các hạt, hạt vào tai, mũi, ăn những hoa, lá, quả lạ trên rừng, quanh nhà, trên đường đi học, cưỡi trâu bò, trêu chó mèo, tự lấy thuốc uống, đi theo người lạ..) - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: bị lạc, chảy máu, cháy, rơi xuống nước, chó cắn, gặp mưa gió bão, sạt lở đất - Phòng tránh, bảo vệ các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể | 1, 2, 5,6, 7,8 |

| 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức | | | |
|---|---|---|---------------|
| * Khám phá khoa học | | | |
| 18 | Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể (2) - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi (1,3) | 6,8 |
| 19 | Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, máy xúc, xe lu...). Một số quy định giao thông. | 1,2,3,5,6,7,8 |
| 20 | Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. (gà, vịt, ngan, trâu, bò, lợn..), cây, hoa (hồng, huệ, cúc...), quả (chuối, cam, mít, xoài...) - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi | 8 |
| 21 | Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, trái đất nóng lên và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Tên gọi dấu hiệu rõ nét các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, hậu quả và cách ứng xử khi có thiên tai (lũ lụt, lũ quét, lũ ống, sạt lở đất...) - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm | 1,3,5,6,7,8 |
| 22 | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật | - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo một dấu hiệu | 5, 6 |
| 23 | Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng | |
| 24 | Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày (mưa, giếng, suối, nước máy...) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày (mặt | 5,8 |

| | | | |
|--|--|--|---------------|
| | | trời, mặt trăng, điện...) - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi | |
| 25 | Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... | - Một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... | 3, 5, 7 |
| * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán | | | |
| 26 | Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Xếp tương ứng 1 - 1 ghép đôi | 1, 3, 4, 5, 9 |
| 27 | Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | | |
| 28 | Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | |
| 29 | Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. | - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. | 2, 4, 5, 9 |
| 30 | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | |
| 31 | Trẻ có thể nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | - Xếp xen kẽ | 7 |
| 32 | Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | - So sánh 2 đối tượng về kích thước (Cao – thấp; To – nhỏ; dài – ngắn) | 6, 7 |
| 33 | Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. | - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép. | 3, 7 |
| 34 | Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị | - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay | 2 |

| | | | |
|--|--|--|------------------|
| | trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | phải - tay trái của bản thân. | |
| * Khám phá xã hội | | | |
| 35 | - Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân trẻ khi được hỏi, trò chuyện | - Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân. | 2 |
| 36 | - Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình (ông, bà, anh, chị, em...) Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (thôn, bản, phố/xã, phường...) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình | - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình (ông, bà, anh, chị, em...) - Địa chỉ gia đình (thôn, bản, phố/xã, phường...). | 3 |
| 37 | Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. | 1 |
| 38 | Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề phổ biến ở địa phương (bác sĩ, công an, giáo viên, bộ đội, nghề nông, nghề dệt, nghề may, nghề thợ xây...) khi được hỏi, xem tranh. | - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương (bác sĩ, công an, giáo viên, bộ đội, nghề nông, nghề dệt, nghề may, nghề thợ xây...) | 4 |
| 39 | Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội Hoa Ban, lễ hội Mùa xuân,...) ...qua trò chuyện, tranh ảnh. | - Tên của một số ngày lễ, ngày lễ, hội của địa phương: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội Hoa Ban, lễ hội Mùa xuân,... | 1, 6, 7 |
| 40 | Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử (Đồi A1, Hàm Đờ Cát, cầu Mường Thanh...), danh lam, thắng cảnh (cánh đồng Mường Thanh, suối khoáng Uva, sinh thái Him Lam...), | 9 |
| 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ | | | |
| 41 | Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản | 3 |
| 42 | Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, | - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, | 1, 3, 4, 5, 6, 7 |

| | | | |
|----|---|---|------------|
| | đồ chơi, hoa, quả... | hiện tượng gần gũi, quen thuộc. | |
| 43 | Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | 1->9 |
| 44 | Trẻ nói rõ các tiếng | - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. | 4, 7 |
| 45 | Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... | - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? | 1, 2, 3, 7 |
| 46 | Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. | 1->9 |
| 47 | Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. | - Kể lại sự việc. | 6, 8 |
| 48 | Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. | 1->9 |
| 49 | Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại một và tình tiết của truyện đã được nghe. | 1->9 |
| 50 | Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên | 5, 6 |
| 51 | Trẻ sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp. | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép | 2 |
| 52 | Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. | 5 |
| 53 | Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau ; xem phim, tranh, ảnh về an toàn giao thông, truyện tranh Ebook và phim hoạt hình Tôi Yêu Việt Nam - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. | 1->9 |

| | | | |
|--|---|---|------------|
| | | + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách | |
| 54 | Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ | 3, 4 |
| 55 | Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc | - Tiếp xúc với chữ, sách truyện | 1->9 |
| | | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận biết một số ký hiệu, tín hiệu của phương tiện cháy nổ | 1, 7 |
| 4. Lĩnh vực giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội | | | |
| 56 | Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | - Tên, tuổi, giới tính | 2 |
| 57 | Trẻ nói được điều bé thích, không thích. | - Những điều bé thích, không thích. | 1, 2 |
| 58 | Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | - Khi tham gia vào các hoạt động trẻ mạnh dạn trả lời câu hỏi của cô giáo và các bạn. | 4,5,6 |
| 59 | Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | - Trẻ thực hiện được một số công việc đơn giản (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | 1-9 |
| 60 | Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói... | 1, 3 |
| 61 | Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. | 4, 5, 6, 7 |
| 62 | Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. | | |
| 63 | Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | - Kính yêu Bác Hồ | 9 |
| 64 | Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không | - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) | 1, 3, 7 |

| | | | |
|--|---|--|----------------|
| | tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu” - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột | |
| 65 | Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... | - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). | 2, 3 |
| 66 | Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói. | - Chờ đến lượt. | 1,2 |
| 67 | Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ | - Chơi hoà thuận với bạn. | 1->9 |
| 68 | Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối | 5, 6, 9 |
| 69 | Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | - Giữ gìn vệ sinh môi trường gia đình, bản, làng, trường lớp - Bỏ rác đúng nơi quy định - Tiết kiệm điện, nước (Ra khỏi phòng tắt quạt, điện, vặn vòi nước vừa đủ khi sử dụng, sử dụng xong khóa vòi nước) | 1, 2,3,6, 8, 9 |
| 5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ | | | |
| 70 | Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | - Bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, thích thú...) khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. | 6,8 |
| 71 | Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. | | |
| 72 | Trẻ thích chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. | - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc dân tộc của địa phương). | |

| | | | |
|----|--|---|-------|
| 73 | Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát | 1->9 |
| 74 | Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). | - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. | |
| 75 | Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý | - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. | |
| 76 | Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. | - Sử dụng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. | |
| 77 | Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. | | |
| 78 | Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | | |
| 79 | Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | | |
| 80 | Trẻ có thể nhận xét các sản phẩm tạo hình. | - Nhận xét sản phẩm tạo hình. | 8 |
| 81 | Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | 1-> 9 |
| 82 | Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. | 8, 9 |
| 83 | Trẻ có thể đặt tên cho sản phẩm tạo hình | - Đặt tên cho sản phẩm của mình | 7 |

II. DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

| Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày...) | STT | Chủ đề | Chủ đề nhánh | Số tuần | Lễ /hội | Điều chỉnh bổ sung |
|--|------------|--------------------------------|--|----------------|--|---------------------------|
| Tháng 9 (Từ 09/09-04/10/2024) | 1 | Trường Mầm non - tết trung thu | Trường mầm non của bé (09- 13/09) | 1 | - Ngày hội đến trường của bé 05/9 - Bé vui đón tết trung thu 15/8 âm lịch | |
| | | | Tết trung thu của bé (16-20/09) | 1 | | |
| | | | Lớp học của bé (23-27/9) | 1 | | |
| | | | Đồ dùng, đồ chơi của lớp (30/09-04/10) | 1 | | |
| Tháng 10 (Từ 07/10-01/11/2024) | 2 | Bé biết gì về bản thân | Bé giới thiệu về mình (07-11/10) | 1 | | |
| | | | Cơ thể kỳ diệu của bé (14-18/10) | 1 | | |
| | | | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (21-25/10) | 1 | | |
| | | | Tuần lễ sức khỏe (28/10-01/11) | 1 | | |
| Tháng 11 (Từ 04/11-29/11/2024) | 3 | Gia đình - Ngày 20/11 | Gia đình và họ hàng của bé (04-08/11) | 1 | -Ngày hội của cô giáo 20/11 | |
| | | | Ngôi nhà thân yêu của bé(11-15/11) | 1 | | |
| | | | Ngày hội của cô giáo 20/11 (18-22/11) | 1 | | |
| | | | Đồ dùng trong gia đình bé (25-29/12) | 1 | | |
| Tháng 12 (Từ 02 - 20/12/2024) | 4 | Các nghề phổ biến | Nghề truyền thống ở địa phương (02-06/12) | 1 | | |
| | | | Một số nghề phổ biến quen thuộc (09-13/12) | 1 | | |
| | | | Ngày thành lập QĐND Việt Nam (16-20/12) | 1 | | |
| Tháng 12+01 (Từ 23/12 - 17/01/2025) | 5 | Thế giới động vật | Động vật nuôi trong gia đình (23-27/01) | 1 | | |
| | | | Động vật sống trong rừng 30/12-03/01) | 1 | | |
| | | | Động vật dưới nước - Côn trùng (06-10/01) | 1 | | |

| Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...) | STT | Chủ đề | Chủ đề nhánh | Số tuần | Lễ /hội | Điều chỉnh bổ sung |
|--|-----|---|---|---------|--|--------------------|
| | | | Ôn tập (13-17/01) | | | |
| Tháng 01+02 (Từ 20/01-21/02/2025) | 6 | Thế giới thực vật quanh bé - Tết và mùa xuân | Bé vui đón tết và mùa xuân (20-24/01) | 1 | Bé vui đón tết nguyên đán (Nghỉ tết từ ngày 27/01-02/02) | |
| | | | Cây xanh - sự phát triển của cây (03/02-07/02) | 1 | | |
| | | | Một số loại hoa (10-14/02) | 1 | | |
| | | | Một số loại rau, quả (17/-21/02) | 1 | | |
| Tháng 02+03 (Từ 24/02-28/03/2025) | 7 | Phương tiện và các quy định GT – Ngày hội 8/3 | Phương tiện giao thông đường bộ (24-28/02; 10-14/03) | 2 | Ngày hội của bà, mẹ, cô giáo 8/3 | |
| | | | Ngày hội 8/3 (03-07/03) | 1 | | |
| | | | Phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không, đường sắt.(17-21/03) | 1 | | |
| | | | Một số quy định giao thông (24-28/03) | 1 | | |
| Tháng 03+04 (Từ 31/03 - 18/4/2025) | 8 | Một số hiện tượng tự nhiên quanh bé | Nước cần cho bé (31/03-11/04) | 2 | | |
| | | | Ngày và đêm, không khí, ánh sáng (14-18/04) | 1 | | |
| | | | Mùa hè kỳ diệu (21 - 25/04) | 1 | | |
| Tháng 04+ 05 (Từ 21/04-23/05/2025) | 9 | Quê hương - Đất nước - Bác Hồ | Bé yêu Quê hương, đất nước 28/04 - 09/05) | 2 | | |
| | | | Bác Hồ kính yêu (12-16/05: 19-23/05) | 2 | | |
| Tổng | | | | 35 | | |

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Duyệt KH)

Phạm Tuyết Thanh

Thanh Nưa, ngày 30 tháng 08 năm 2024
NGƯỜI LẬP

Đặng Thị Nguyệt

Bùi Thị Hồng Quý

